

Lai Châu, ngày      tháng 7 năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH**  
**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ**  
**QUYẾT: SỐ 38/2019/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2019; SỐ 72/2023/NQ-HĐND NGÀY**  
**08/12/2023; SỐ 29/2024/NQ-HĐND NGÀY 17/7/2024; SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY**  
**30/9/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU VỚI CÁC NGHỊ QUYẾT: SỐ**  
**38/2019/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2019; SỐ 72/2023/NQ-HĐND NGÀY 08/12/2023; SỐ**  
**29/2024/NQ-HĐND NGÀY 17/7/2024; SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 30/9/2024 CỦA HỘI**  
**ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<b>Chương I: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu</b>		
<b>Điều 1.</b> Tại điểm a khoản 1: Tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu	<b>Điều 1.</b> Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường”	- Không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp
Điều 1. Tại điểm b khoản 5: + Sâm Lai Châu: Bảo tồn trên 1.700 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã Tá Bạ, Thu Lũm, Pa Vệ Sủ, Ka Lăng huyện Mường Tè. + Bầy lá một hoa: bảo tồn trên 1.150 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã Phăng Xô Lin, Sà Dề Phìn, Tả Ngảo, Làng Mô huyện Sìn Hồ. + Lan Kim tuyến: Bảo tồn trên 1.300 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại xã Hồ Mít huyện Tân Uyên	<b>Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 1:</b> + Sâm Lai Châu: Bảo tồn trên 1.700 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã: Pa Ủ, Thu Lũm, Bum Nưa + Bầy lá một hoa: bảo tồn trên 1.150 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã Sìn Hồ, Tủa Sín Chải. + Lan Kim tuyến: Bảo tồn trên 1.300 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại xã Pắc Ta	- Sửa đổi, bổ sung các đơn vị hành chính cấp xã cho phù hợp với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu
<b>Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Ban hành Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND).</b>		
<b>1.1. Tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai điểm c, điểm d, đ khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND</b>	<b>1.1. Điều 3. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai điểm c, điểm d, đ khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết</b>	
“c) Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ	“c) Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ	Thay thế cụm từ “trên địa bàn

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>- Cấp tỉnh: Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn hai huyện trở lên và các dự án, kế hoạch sử dụng vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh.</p> <p>- Cấp huyện: Các phòng, ban, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn.</p>	<p>- Cấp tỉnh: Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn hai xã trở lên và các dự án, kế hoạch sử dụng vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh.</p> <p>- Cấp xã: Các phòng, ban, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn.”</p>	<p><i>hai huyện” bằng cụm từ “trên địa bàn hai xã”; cụm từ “cấp huyện” bằng “cấp xã”.</i></p>
<p>d) Bước 4: Thẩm định</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.</p> <p>Thời gian thẩm định: Không quá 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (Tính cả trường hợp phải đi thực tế để khảo sát đánh giá địa bàn triển khai dự án/kế hoạch). Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>“d) Bước 4: Thẩm định</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.</p> <p>Thời gian thẩm định: Không quá 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (Tính cả trường hợp phải đi thực tế để khảo sát đánh giá địa bàn triển khai dự án/kế hoạch). Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	<p>Thay thế cụm từ “<i>cấp huyện</i>” bằng cụm từ “<i>cấp xã</i>”; <i>cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã”</i></p>
<p>đ) Bước 5: Phê duyệt</p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa</p>	<p>“đ) Bước 5: Phê duyệt</p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên</p>	<p>Thay thế cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>” bằng</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>bàn từ hai huyện trở lên và dự án, kế hoạch liên kết được hỗ trợ từ vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện hoạt động hỗ trợ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn; dự án phát triển được liệu quý.</p> <p>Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).</p> <p>Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ</p>	<p>địa bàn từ hai xã trở lên và dự án, kế hoạch liên kết được hỗ trợ từ vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện hoạt động hỗ trợ và dự án phát triển được liệu quý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn.</p> <p>Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ</p>	<p>cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</i>”; chuyển nhiệm vụ phê duyệt dự án phát triển được liệu quý từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>quan thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh/huyện quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).</p> <p>Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan thẩm định, Chủ tịch ủy ban nhân cấp tỉnh/xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	
<p><b>1.2. Tại điểm c, d khoản 3 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND</b></p>	<p><b>1.2. Điều 4. Sửa đổi điểm c, d khoản 3 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết</b></p>	
<p>c) Bước 3: Thẩm định</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất, dịch vụ, đại diện cơ quan tài chính, đầu tư và phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các tiêu chí lựa chọn, sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây</p>	<p>“c) Bước 3: Thẩm định</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo và các công chức thuộc các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các tiêu chí lựa chọn, sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi</p>	<p>Thay thế cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>” bằng cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</i>”; chuyển nhiệm vụ thẩm định dự án phát triển được liệu quý từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>

<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
trồng, vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).	sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).”	
<p>d) Bước 4: Phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.</li> <li>- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).</li> <li>- Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết</li> </ul>	<p>“d) Bước 4: Phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.</li> <li>- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý</li> </ul>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).</p> <p>- Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	
<p><b>1.3. Tại một số Mẫu hồ sơ của Phụ lục kèm theo Nghị quyết (gồm: Mẫu số 01; mục 1. Mẫu số 04; Mẫu DL.01)</b></p>	<p><b>1.3. Điều 5. Sửa đổi một số Mẫu hồ sơ tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết</b></p>	
<p>- Tại Mẫu số 01 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị), sửa đổi phần ghi chú tại cuối trang của như sau: “<i>1 Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố (phòng chuyên môn được ủy quyền, được cấp có thẩm quyền giao)</i>”</p> <p>- Tại mục 1. Thành phần tham dự của Mẫu số 04 (Biên bản họp thôn, bản): ... “<i>Đại diện UBND huyện (nếu có)</i>”</p> <p>- Tại Mẫu số 05 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án/phương án sản xuất, dịch vụ cộng đồng) sửa đổi như sau:</p> <p>+ Phần Kính gửi: “<i>Kính gửi: UBND xã, thị trấn.....</i>”;</p> <p>+ Căn cứ cuối cùng tại đơn đề nghị sửa như sau: “<i>Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các Chương trình mục tiêu quốc, (Tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND xã, thị trấn..... xem xét tổng hợp trình UBND huyện thẩm định Dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng như sau:</i>”</p> <p>- Tại Mẫu DL.01 (Đơn đề nghị về việc đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án được liệu quý) tại phần Kính gửi: UBND tỉnh, UBND huyện (quận):....</p>	<p>- Tại Mẫu số 01 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị), sửa đổi phần ghi chú tại cuối trang của như sau: “<i>1 Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường (phòng chuyên môn được ủy quyền, được cấp có thẩm quyền giao)</i>”</p> <p>- Tại mục 1. Thành phần tham dự của Mẫu số 04 (Biên bản họp thôn, bản): bỏ “<i>Đại diện UBND huyện (nếu có)</i>”</p> <p>- Tại Mẫu số 05 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án/phương án sản xuất, dịch vụ cộng đồng) sửa đổi như sau:</p> <p>+ Phần Kính gửi: “<i>Kính gửi: UBND xã, phường.....</i>”;</p> <p>+ Căn cứ cuối cùng tại đơn đề nghị sửa như sau: “<i>Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các Chương trình mục tiêu quốc, (Tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND xã/phường ..... xem xét thẩm định, phê duyệt Dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng như sau:</i>”</p> <p>- Tại Mẫu DL.01 (Đơn đề nghị về việc đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án được liệu quý) đề nghị</p>	<p>Thay thế cụm từ “<i>UBND các huyện, thành phố</i>” bằng cụm từ “<i>UBND các xã, phường</i>”;</p> <p>Không còn cấp huyện, đề nghị bỏ “<i>Đại diện UBND huyện</i>”</p> <p>Thay thế cụm từ “<i>UBND xã, thị trấn.....</i>” bằng cụm từ “<i>UBND xã, phường.....</i>”;</p> <p>Nhiệm vụ thực hiện dự án được liệu quý được giao cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	bỏ “UBND huyện (quận): ....” tại phần Kính gửi	
<b>Chương III. Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh</b>		
<b>Điều 1.</b> Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh như sau:  "...Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng cấp huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện."	<b>Điều 6.</b> Sửa đổi Điều 1 thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng cấp huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện.” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí đủ vốn đối ứng cấp xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các xã, phường thực hiện.”.	- Sửa tên tiêu đề của Điều 1  - Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường”; cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã”; cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường”.
<b>Chương IV. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu</b>		
<b>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b> “1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu. 2. Đối tượng áp dụng a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã). b) Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; công chức chuyên môn của Ủy ban	<b>Điều 7: Sửa đổi, bổ sung Điều 1:</b> 1. Sửa đổi khoản 1 như sau: bỏ cụm từ “ngân sách cấp huyện”. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau: bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” và thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường”. 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” và bỏ cụm từ “công chức chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã”.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 theo tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (xã, tỉnh), bỏ cấp huyện.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.”		
<b>Điều 2: Nhiệm vụ chỉ bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm cấp tỉnh</b> 2. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường thuộc địa giới từ hai (02) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ.	<b>Điều 8. Sửa đổi khoản 2 Điều 2:</b> Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã”	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 theo tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (xã, tỉnh), bỏ cấp huyện.
<b>Điều 3: Nhiệm vụ chỉ bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm cấp huyện</b>	<b>Điều 9. Bãi bỏ Điều 3</b>	Bãi bỏ Điều 3 theo tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (xã, tỉnh), bỏ cấp huyện
<b>Điều 4: Nhiệm vụ chỉ bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm cấp xã</b> 1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải bao gồm: a) Đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh; c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải cấp xã. 2. Cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn cấp xã đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất khác không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm. 3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường bao gồm:	<b>Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 4:</b> 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1: “1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải bao gồm: a) Điều tra, thống kê, đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh; c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm quản lý; d) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề.” 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2: “2. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn đối với	- Sửa đổi khoản 1 chuyển nhiệm vụ của UBND cấp huyện tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định 47/2024/NĐ-HĐND ngày 30/9/2024 của HĐND tỉnh xuống cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “Chỉ đạo, triển khai thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường” - Sửa đổi bổ sung khoản 2 theo



VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết chất thải sinh hoạt, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;</p> <p>...</p> <p>7. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, bao gồm:</p> <p>...</p>	<p>khu vực ô nhiễm môi trường đất khác do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã.”</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3:</p> <p>“a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;”.</p> <p>4. Bổ sung điểm e, điểm g vào sau điểm đ khoản 7:</p> <p>“e) Cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;</p> <p>g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.”</p>	<p>quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “...khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường”;</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “3....đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường; 4... quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp xã; đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn”.</p> <p>- Bổ sung điểm e khoản 7 theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn của năm trước đó trước ngày 31 tháng 01 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường”.</p> <p>- Bổ sung điểm f khoản 7 quy</p>

<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
		định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “...đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường”.